

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NHTM BẢO VIỆT	MỨC PHÍ
<b>CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC</b>	
<b>Chuyển tiền đi trong nước</b>	
Trích tiền từ TK cùng hệ thống BaoViet Bank cùng tỉnh/TP	Miễn phí
Trích tiền từ TK khác hệ thống BaoViet Bank cùng tỉnh/TP	0.02%/giá trị thanh toán. Min:10.000VND. Max: 400.000VND
Trích tiền từ TK Cùng hệ thống BaoViet Bank khác tỉnh/TP	10.000 VND/món
Trích tiền từ TK khác hệ thống BaoViet Bank khác tỉnh/TP	0.05%/số tiền chuyển. Min 20.000VND. Max:400.000VND
Nộp tiền để chuyển cùng hệ thống BaoViet Bank cùng tỉnh/TP	0.02%. Min:10.000VND. Max:400.000VND
Nộp tiền để chuyển khác hệ thống BaoViet Bank cùng tỉnh/TP	0.06% số tiền chuyển. Min:20.000VND Max 400.000VND
Nộp tiền mặt để chuyển cùng hệ thống BaoViet Bank khác tỉnh/TP	0.02%. Min: 10.000VND, Max:400.000VND
Nộp tiền mặt để chuyển khác hệ thống BaoViet Bank khác tỉnh/TP	0.06% số tiền chuyển. Min: 20.000VND, Max: 400.000VND
Điều chỉnh, hủy, tra soát	20.000VND/lần
<b>Chuyển tiền đến trong nước</b>	
Trả cho người hưởng cùng tỉnh thành phố	0.02%/giá trị thanh toán. Min:5.000VND Max: 400.000VND
Trả cho người hưởng khác tỉnh thành phố	0.06% số tiền chuyển. Min: 20.000VND, Max: 400.000VND
Tra soát, điều chỉnh, thoái hồi lệnh chuyển tiền	20.000VND/lần
<b>CHUYỂN TIỀN NƯỚC NGOÀI</b>	
<b>Chuyển tiền đi nước ngoài</b>	
Phí chuyển tiền của BaoViet Bank	0.15% số tiền chuyển. Min: 10 USD, Max: 200 USD
Phí nước ngoài Chuyển đi bằng USD/EUR/JPY	25 USD/30 EUR/0.05% số tiền, min 5000JPY
Điện phí chuyển tiền	10USD/giao dịch
Điện khác (tra soát, điều chỉnh, hủy)	10 USD/giao dịch
Điều chỉnh, tra soát lệnh chuyển tiền	10USD/giao dịch
Hủy lệnh chuyển tiền	10 USD/lệnh
<b>Chuyển tiền đến trong nước</b>	
Nhận tiền từ nước ngoài chuyển đến	0.05%. Min 2 USD. Max 200USD
+ Nếu nhận bằng ngoại tệ (thu thêm)	0.15% số tiền nhận. Min 2 USD (thu thêm sau khi đã thu phí nhận tiền nước ngoài)
Chuyển cho người hưởng tại NH khác thu người hưởng	5 USD/món
Điều chỉnh, tra soát lệnh chuyển tiền	10 USD/món
Thoái hồi lệnh chuyển tiền	10 USD/món
<b>TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI</b>	
<b>Phần I. GIAO DỊCH NHỜ THU (COLLECTION)</b>	
<b>I. Nhờ thu Xuất khẩu</b>	
Nhận và xử lý bộ chứng từ nhờ thu	5USD/lần
Thanh toán kết quả nhờ thu	0.15%. Min:10 USD, Max:200 USD

<b>BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NHTM BẢO VIỆT</b>	<b>MỨC PHÍ</b>
Tra soát bộ chứng từ nhờ thu	10 USD/lần
Hủy nhờ thu theo yêu cầu của người nhờ thu	10 USD
Nhờ thu bị từ chối	Thu theo thực tế phát sinh
<b>2. Nhờ thu nhập khẩu</b>	
Thông báo chứng từ nhờ thu	5USD/lần
Thanh toán bộ chứng từ nhờ thu	0.2%. Min 10USD
Chấp nhận thanh toán hối phiếu	
- Bảo đảm bằng tiền gửi tại BaoViet Bank	20USD/lần
- Bảo đảm bằng tài sản khác	30USD/lần
Chuyển tiếp bộ chứng từ nhờ thu cho ngân hàng khác	
- Trong nước	10 USD + chi phí thực tế
- Nước ngoài	20 USD + chi phí thực tế
Từ chối thanh toán nhờ thu	10 USD + các phí thực tế phát sinh
Phí ký hậu vận đơn	10 USD/bộ
<b>3. Nhờ thu trong nước (hàng xuất)</b>	
Nhận và xử lý bộ ủy nhiệm thu gửi đi nhờ thu	10,000VND/món
Thanh toán kết quả nhờ thu	
- Séc	0.1%. Min 20.000VND; 5 USD
- Bộ chứng từ	0.2%. Min 10 USD
Tra soát nhờ thu trong nước	20.000VND/lần
<b>Phần II. THƯ TÍN DỤNG (L/C)</b>	
<b>Thư tín dụng xuất khẩu</b>	
Thông báo sơ bộ thư tín dụng	10 USD
Thông báo thư tín dụng	20 USD
Chuyển tiếp L/C đến ngân hàng thông báo thứ 2	20USD
Thông báo sửa đổi thư tín dụng	10 USD
Thông báo chuyển tiếp sửa đổi thư tín dụng	20USD
Xác nhận thư tín dụng của NHDL phát hành	2%/năm. Min 100 USD
Hủy thư tín dụng theo yêu cầu	20 USD
Nhận và xử lý chứng từ theo L/C	5 USD/bộ
Thanh toán L/C	0.15%/trị giá báo có. Min: 20 USD
Chiết khấu chứng từ L/C hàng xuất	Phí chiết khấu 10 USD. LS tùy thời kỳ
Chuyển nhượng thư tín dụng	
- Chuyển nhượng trong nước	0.1%. Min 20 USD
- Chuyển nhượng ngoài nước	0.1%. Min 30 USD
<b>Thư tín dụng nhập khẩu (Import LC)</b>	
Mở thư tín dụng (tính trên số tiền của L/C)	
Ký quỹ 100% trị giá L/C	<b>LC có thời hạn dưới 90 ngày</b> + 0.075%/trị giá L/C. Min 20 USD <b>LC có thời hạn từ 90 ngày đến 180 ngày</b> + 0.08%/trị giá L/C. Min 20 USD <b>LC có trị giá từ 180 ngày đến 360 ngày</b> + 0.1%/trị giá L/C. Min 20 USD

<b>BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NHTM BẢO VIỆT</b>	<b>MỨC PHÍ</b>
Ký quỹ dưới 100% trị giá L/C	<b>LC có thời hạn dưới 90 ngày</b> + 0.075% đối với phần ký quỹ. + 0.15% đối với phần không ký quỹ. Min 20 USD <b>LC có thời hạn từ 90 ngày đến 180 ngày</b> + 0.08% đối với phần ký quỹ. + 0.15% đối với phần không ký quỹ. Min 20 USD <b>LC có thời hạn từ 180 ngày đến 360 ngày:</b> + 0.1% đối với phần ký quỹ. + 0.2% đối với phần không ký quỹ Min 20USD
Sửa đổi tăng tiền (tính trên số tiền sửa đổi gia tăng)	Thu như mở LC đối với phần tăng tiền. Min:20USD
Sửa đổi gia hạn	
Sửa đổi tổng thời hạn sau khi sửa đổi L/C đến 90 ngày	15 USD
Sửa đổi thời hạn sau khi sửa đổi L/C trên 90 ngày	Thu như mở L/C đối với thời gian tăng thêm.
Trường hợp LC vừa sửa đổi tăng tiền vừa sửa đổi gia hạn:	Sửa đổi tăng tiền sẽ tính phí sửa đổi theo phân giá trị tăng thêm và sửa đổi gia hạn phí tính dựa trên số ngày gia hạn thực tế trên tổng số tiền L/C sau khi sửa đổi.
Sửa đổi khác	15 USD/lần sửa đổi
Thanh toán L/C	0.2%/trị giá thanh toán. Min 20 USD
Chấp nhận hối phiếu có kỳ hạn	Thời gian tối thiểu tính phí là 30 ngày
Bảo đảm bằng tiền gửi tại Baoviet Bank	<b>Ký quỹ 100%</b> 0.15%/tháng/trị giá HP Min: 25 USD
Bảo đảm bằng tài sản khác	Trị giá đã ký quỹ: 0.15 %/ tháng. Trị giá chưa ký quỹ: 0.25%/ tháng. Min:25 USD
Phí từ chối thanh toán	10 USD/giao dịch
Ký hậu vận đơn để nhận hàng theo L/C	10 USD/lần
Phát hành thư bảo lãnh nhận hàng theo L/C	50 USD/bảo lãnh
Phí sai biệt (khấu trừ khi thanh toán cho NN)	50 USD
Hủy L/C (không kể chi phí của nước ngoài)	15 USD
Phát hành sơ bộ thư tín dụng	15 USD
Phí chuyển phát nhanh	45USD
Điện phí SWIFT	25 USD
Bưu phí trong nước	3 USD
Bưu phí nước ngoài	5 USD
Phí giải khoá của Ngân hàng nước ngoài	20 USD
Phí giải khoá và chuyển tiếp đến Ngân hàng khác	30 USD
<b>BẢO LÃNH NƯỚC NGOÀI</b>	
<b>Bảo lãnh do NHDL phát hành trực tiếp cho người hưởng</b>	
Thông báo thư bảo lãnh của Ngân hàng nước ngoài	20 USD
Thông báo sửa đổi thư bảo lãnh của Ngân hàng nước ngoài	10 USD
Xác nhận hủy bảo lãnh do NHDL phát hành	20 USD
<b>Kiểm tra và xác thực hộ khác hàng</b>	
Kiểm tra xác nhận chữ ký thư Bảo lãnh của Ngân hàng NN	20 USD

<b>BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NHTM BẢO VIỆT</b>	<b>MỨC PHÍ</b>
Kiểm tra xác nhận chữ ký sửa đổi thư Bảo lãnh của NHNN	15 USD
<b>Đòi hộ khách hàng theo thư bảo lãnh của NHNN</b>	
Nhận và xử lý yêu cầu của khách hàng	20 USD
Thanh toán kết quả đòi tiền	0.15%/trị giá thanh toán. Min 20 USD
<b>GIAO DỊCH TÀI KHOẢN</b>	
<b>Phần I. GIAO DỊCH TÀI KHOẢN</b>	
<b>I. Bằng VND</b>	
Mở tài khoản	Miễn phí
Số dư tối thiểu tài khoản cá nhân	100.000VND
Số dư tối thiểu tài khoản doanh nghiệp	500.000VND
Duy trì tài khoản cá nhân dưới số dư tối thiểu	10.000VND/tháng
Duy trì tài khoản doanh nghiệp dưới số dư tối thiểu	20.000VND/tháng
Đóng tài khoản cá nhân	10.000VND
Đóng tài khoản doanh nghiệp	20.000VND
Cung cấp sao kê TK tại quầy	20.000đ/lần
Cung cấp sao kê TK qua thư	10.000đ/lần
Xác nhận số dư TK bằng Tiếng Việt	30.000đ/bản đầu tiên, 5.000đ/bản tiếp theo
Xác nhận số dư TK bằng Tiếng Anh	50.000đ/bản đầu tiên, 5.000đ/bản tiếp theo
Phong tỏa tài khoản	30.000đ/lần phong tỏa
Phí sao lục chứng từ trong vòng 1 tháng	10.000đ/chứng từ
Phí Sao lục chứng từ trên 1 tháng	50.000đ/chứng từ
Nộp tiền mặt vào TK số tiền nhỏ hơn 30 triệu đồng khác tỉnh	10.000đ/lần
Nộp tiền mặt vào TK số tiền lớn hơn 30 triệu đồng khác tỉnh	0.02%, Min: 10.000đ, Max: 500.000đ
Rút tiền trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào tài khoản số tiền trên 100 triệu đồng/ngày cùng tỉnh, TP	0.02%. Min 10,000VNĐ. Max:500.000VNĐ
Rút tiền trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào tài khoản số tiền dưới 100 triệu đồng/ngày khác tỉnh, TP	0.02%, Min: 10.000đ, Max: 500.000đ
Rút tiền trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào tài khoản số tiền trên 100 triệu đồng/ngày khác tỉnh, TP	0.03%, Min: 10.000đ, Max: 500.000đ
Trả lương cho Người lao động có tài khoản tại BVB	
- Có hợp đồng	300.000đ
- Từng lần	3.000đ/người
Trả lương cho Người lao động không có tài khoản tại BVB	Ngoài mức phí ở trên, Khách hàng phải trả thêm phí chuyển tiền
<b>II. BẰNG NGOẠI TỆ</b>	
Mở tài khoản	Miễn phí
Mức số dư tối thiểu TK cá nhân	10USD/ 10EUR
Số dư tối thiểu tài khoản doanh nghiệp	50USD/ 50EUR
Duy trì tài khoản cá nhân	1USD/ 1EUR/tháng
Duy trì tài khoản doanh nghiệp	2USD/ 2EUR/tháng
Đóng tài khoản cá nhân	2USD/ 2EUR
Đóng tài khoản doanh nghiệp	2USD/ 2EUR

<b>BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NHTM BẢO VIỆT</b>	<b>MỨC PHÍ</b>
Xác nhận số dư bằng Tiếng Việt	2USD/bản đầu tiên 0,3USD/ bản thứ hai trở đi
Xác nhận số dư bằng Tiếng Anh	3USD/bản đầu tiên 0,3USD/ bản thứ hai trở đi
Phong tỏa tài khoản	2 USD/lần phong tỏa
Nộp USD vào TK cùng tỉnh/TP loại mệnh giá dưới 50 USD	0,15%, Min: 2USD
Nộp USD vào TK cùng tỉnh/TP loại mệnh giá lớn hơn 50 USD	0,25%, Min: 2USD
Nộp ngoại tệ khác	0,4%, Min: 3USD
Nộp USD vào TK khác tỉnh/TP loại mệnh giá dưới 50 USD	0,2%, Min: 2USD
Nộp USD vào TK khác tỉnh/TP loại mệnh giá từ 50 USD trở lên	0,35%, Min: 2USD
Nộp ngoại tệ khác	0,45%, Min: 3USD
Rút VND từ TK ngoại tệ	Miễn phí
Rút USD từ TK cùng tỉnh thành phố	0,1%, Min: 2USD
Rút USD từ TK khác tỉnh thành phố	0,15% Min 2 USD
Rút ngoại tệ khác từ TK cùng tỉnh thành phố	0,1%, Min: 2USD
Rút ngoại tệ khác từ TK khác tỉnh thành phố	0,15% Min 2 USD
Phí kiểm đếm khi rút từ Tài khoản ngoại tệ trong vòng 03 ngày làm việc	Số tiền trên 5000 USD
Trả lương cho Người lao động có tài khoản tại BVB	
- Có hợp đồng	20 USD
- Từng lần	1 USD/người
Trả lương cho Người lao động không có tài khoản tại BVB	Ngoài mức phí ở khoản mục 9.1 trên, Khách hàng phải trả thêm phí chuyển tiền
<b>GIAO DỊCH TIẾT KIỆM VÀ NGÂN QUỸ</b>	
Phí rút Thẻ tiết kiệm/CNTG trong vòng 03 kể từ ngày gửi (số tiền trên 200trđ)	0.02%
Phí xác nhận thông báo mất Thẻ tiết kiệm/CNTG và cấp sổ mới	20.000đ
Phí xác nhận số dư Thẻ tiết kiệm/CNTG	
Phí xác nhận số dư thẻ TK bằng Tiếng Việt	30.000đ/bản đầu tiên, 5.000đ/bản tiếp theo
Phí xác nhận số dư thẻ TK bằng Tiếng Anh	50.000đ/bản đầu tiên, 5.000đ/bản tiếp theo
Phong tỏa Thẻ tiết kiệm/CNTG	30.000đ/lần phong tỏa
Phí chuyển nhượng Thẻ tiết kiệm/CNTG	50.000đ
Kiểm đếm tiền mặt tại trụ sở BVB trị giá dưới 20 triệu đồng	Miễn phí
Kiểm đếm tiền mặt tại trụ sở BVB trị giá từ 20 triệu VND	0,02%, Min: 10.000VND, Max: 500.000VND
Kiểm đếm tiền cho KH ngoài trụ sở hoặc ngoài giờ giao dịch	0,03% + chi phí phát sinh thực tế Min: 100.000VND/10USD
Kiểm đếm ngoại tệ tại Trụ sở	0,2USD/tờ hoặc ngoại tệ khác tương đương
Đổi tiền có mệnh giá nhỏ lấy mệnh giá lớn (VND)	0.05%, Min:5,000VND
Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông 500.000VND	3%
Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông 500.000VND	4%
Đổi ngoại tệ bản rách lấy mệnh giá cùng loại	0.3%
Đổi tiền có mệnh giá lớn lấy mệnh giá nhỏ	Miễn phí
Đổi tiền có mệnh giá nhỏ lấy mệnh giá lớn	1%, Min: 2USD

<b>BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NHTM BẢO VIỆT</b>	<b>MỨC PHÍ</b>
Đổi tiền mặt ngoại tệ lấy VND	Miễn phí
Thu chi tiền mặt tại trụ sở KH bán kính dưới 10 km	0,04%, Min: 300.000VND/ 20USD
Thu chi tiền mặt tại trụ sở KH bán kính từ 10 km trở lên	0,05%, Min: 400.000VND/25USD
Thu chi tiền mặt tại trụ sở KH ngoại thành	Theo hợp đồng
Cất giữ tài sản/Tiền thu theo túi niêm phong	0,035%/tháng/GT kê khai Min: 20.000đ , Max: 1.000.000đ
Cất giữ Giấy tờ có giá	0,035%/tháng/GT kê khai Min: 20.000đ Max: 1.000.000đ
Phí xác nhận mất hồ sơ cất giữ hộ tài sản	20.000đ/lần
<b>PHÍ DỊCH VỤ TÍN DỤNG VÀ BẢO LÃNH</b>	
Thẩm định dự án quy mô dự án đến 05 tỷ đồng	Tối thiểu 1.000.000 VNĐ/lần
Thẩm định dự án Quy mô dự án từ trên 05 tỷ đồng	Tối thiểu 2.000.000 VNĐ/lần
Cấp tín dụng vay vốn theo món ngắn hạn	0,03%, tối thiểu 200.000 VNĐ
Cấp tín dụng vay vốn theo món trung dài hạn	0,05%, tối thiểu 300.000 VNĐ
Cấp hạn mức tín dụng	0,2%-0,4%/trị giá hạn mức được cấp, tối thiểu 500.000 VNĐ
Quản lý hạn mức sử dụng	0.02%/trị giá hạn mức, Min 500.000 VNĐ
Quản lý hạn mức chưa sử dụng	0.05%/quý/trị giá HM chưa sử dụng theo HMTD do KH đề nghị. Min 1.000.000 VNĐ
Điều chỉnh hạn mức tín dụng	Thu như cấp tín dụng mới cho phần tăng thêm
Phí cấp hạn mức thấu chi đối với CN đến 10 triệu VND	
- Có trả lương qua tài khoản tại BaoVietBank	40.000 VNĐ/lần
- Không trả lương qua tài khoản tại BaoVietBank	60.000 VNĐ/lần
Phí cấp hạn mức thấu chi đối với CN trên 10 triệu VND	
- Có trả lương qua tài khoản tại BaoVietBank	0,5% - 1%, tối thiểu 50.000 VNĐ
- Không trả lương qua tài khoản tại BaoVietBank	0,6 – 1%, tối thiểu 70.000 VNĐ
Phí cấp hạn mức cho cán bộ BaoViet Bank	50% mức phí quy định
Phí gia hạn hạn mức đến 10 triệu VND có trả lương tại BVB	30.000 VNĐ/lần
Phí gia hạn hạn mức đến 10 triệu VND không trả lương tại BVB	50.000 VNĐ/lần
Phí gia hạn hạn mức trên 10 triệu VND	
Phí gia hạn hạn mức trên 10 triệu VND có trả lương qua tại BVB	0,2%/trị giá gia hạn, tối thiểu 40.000 VNĐ
Phí gia hạn hạn mức trên 10 triệu VND có không trả lương qua tài khoản tại BBV	0,3%/trị giá gia hạn, tối thiểu 60.000 VNĐ
Phí nâng hạn mức có trả lương qua tài khoản tại BVB	0,2%/trị giá hạn mức được nâng, tối thiểu 40.000 VNĐ
Phí nâng hạn mức không trả lương qua tài khoản tại BVB	0,3%/trị giá hạn mức được nâng, tối thiểu 60.000 VNĐ
Phí quản lý hạn mức	5.000 VNĐ/tháng
Phí phạt vượt quá hạn mức	20.000 VNĐ/tháng
Phí hồ sơ	5.000 VNĐ/tháng
Phí cấp hạn mức hộ kinh doanh cá thể	0,5% - 1% giá trị hạn mức, Min 100.000 VNĐ
Phí sử dụng hạn mức trong ngày hộ kinh doanh cá thể	0,05% trị giá thực sự ứng trước trong ngày
Phí duy trì hạn mức hộ kinh doanh cá thể	0,1%/tháng/trị giá hạn mức chưa sử dụng
Phí phạt vượt quá hạn mức hộ kinh doanh cá thể	50.000 VNĐ/tháng
Phí cấp hạn mức doanh nghiệp	0,2% - 0,5% giá trị hạn mức, Min 200.000 VNĐ
Phí sử dụng hạn mức trong ngày doanh nghiệp	0,04% trị giá thực sự ứng trước trong ngày
Phí duy trì hạn mức doanh nghiệp	0,05%/tháng/trị giá hạn mức chưa sử dụng

<b>BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NHTM BẢO VIỆT</b>	<b>MỨC PHÍ</b>
Phí phạt vượt quá hạn mức doanh nghiệp	200.000 VNĐ/tháng
Cơ cấu khoản vay vốn ngắn hạn	0.03% Min: 300.000 VNĐ
Cơ cấu khoản vay vốn trung hạn	0.05% Min: 500.000 VNĐ
Thay đổi lịch trả nợ ngắn hạn	Miễn phí
Phí thay đổi/gia hạn thời hạn vay thế chấp bằng sổ tiết kiệm, chứng từ có giá do BVB phát hành	0,01%, Min 10.000 VNĐ
Phí thay đổi/gia hạn thời hạn vay thế chấp bằng sổ tiết kiệm và các chứng từ có giá khác được BVB chấp thuận	0,03%, Min 10.000 VNĐ
Phí thay đổi/gia hạn thời hạn vay thế chấp bằng những tài sản khác	
- Ngắn hạn đối với cá nhân	0,01%, Min 100.000 VNĐ
- Trung và dài hạn đối với cá nhân	0,01%, Min 200.000 VNĐ
- Ngắn hạn đối với doanh nghiệp	0,07%, Min 200.000 VNĐ
- Trung và dài hạn đối với doanh nghiệp	0,08%, Min 500.000 VNĐ
Cơ cấu thời hạn nợ không có TSDB	0.1% số tiền cơ cấu lại thời hạn
Phí thay đổi lịch trả nợ ngắn hạn	50.000VNĐ/lần
Phí thay đổi lịch trả nợ trung và dài hạn	100.000VNĐ/lần
Xác nhận số dư nợ	50.000 VNĐ/ lần
Vay trả ngay trong ngày	0.05% (Min: 200.000 VNĐ)
Phí phạt chậm trả lãi	0.3% số lãi chậm trả x số ngày chậm trả
Phí cam kết xem xét thu xếp tài chính	
Quy mô dự án dưới 05 tỷ đồng	0,05%, Min 1.000.000 VNĐ
Quy mô dự án từ 05 tỷ đồng trở lên	0,03%
Cam kết tài trợ có điều kiện	500.000 VNĐ/lần
Phí cam kết cho vay đối với sản phẩm Du học	0,1%, Min 1.000.000 VNĐ
Định giá TSDB trong địa bàn	500.000 VNĐ/tài sản
Định giá TSDB ngoài địa bàn	1.000.000 VNĐ/tài sản
Mượn hồ sơ TSDB	300.000 VNĐ/tài sản
Thay đổi TSDB là bất động sản	300.000 VNĐ/tài sản
Thay đổi TSDB là giấy tờ xe máy, ô tô	500.000 VNĐ/ lần
Thay đổi TSDB là tài sản khác	500.000 VNĐ/ lần
Phí giải chấp từng phần tài sản thế chấp là chứng từ	20.000 VNĐ
Phí giải chấp từng phần tài sản thế chấp là hàng hóa	100.000 VNĐ
<b>DỊCH VỤ BẢO LÃNH</b>	
Phí phát hành Thư bảo lãnh	50.000 VNĐ/thư
Phí bảo lãnh đối với BLTT, BLTHHD, BLBH, BLLC	
Phí bảo lãnh ký quỹ 100% trị giá	2%/năm, Min 200.000 VNĐ
Phí bảo lãnh ký quỹ dưới 100% trị giá	
Phần có tài sản đảm bảo	
+ Bảng tiền gửi, sổ tiết kiệm gửi tại BaoVietBank	2%/năm, Min 200.000 VNĐ
+ Bảng các chứng chỉ nợ được công nhận do các tổ chức tín dụng khác phát hành	2.2%/năm, Min 300.000 VNĐ
+ Bảng bất động sản, động sản	2,5%/năm, Min 400.000 VNĐ
Phần thiếu tài sản đảm bảo	3,0%/năm, Min 500.000 VNĐ
Phí bảo lãnh dự thầu, chào giá, bảo lãnh khác	
Ký quỹ 100% trị giá	1,8%/năm, Min 150.000 VNĐ
Phí bảo lãnh ký quỹ dưới 100% trị giá	
Phần có tài sản đảm bảo	

<b>BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NHTM BẢO VIỆT</b>	<b>MỨC PHÍ</b>
+ Bảng tiền gửi, sổ tiết kiệm gửi tại BaoVietBank	1,8%/năm, Min 150.000 VNĐ
+ Bảng các chứng chỉ nợ được công nhận do các tổ chức tín dụng khác phát hành	2.2%/năm, Min 250.000 VNĐ
+ Bảng bất động sản, động sản	2,2%/năm, Min 350.000 VNĐ
Phân thiếu tài sản đảm	2,5%/năm, Min 450.000 VNĐ
Sửa đổi thư bảo lãnh: tăng tiền, gia hạn	Như phát hành thư bảo lãnh mới
Sửa đổi thư bảo lãnh: sửa đổi khác	500.000 VNĐ/lần

**Lưu ý:**

1. Biểu phí này áp dụng đối với Khách hàng giao dịch tại Baoviet Bank. Các khoản phí phải trả cho bên thứ ba tham gia vào dịch vụ theo yêu cầu của Khách hàng sẽ thu thêm theo thực tế phát sinh.
2. Phí dịch vụ được Khách hàng thanh toán tại nơi phát sinh giao dịch với Baoviet Bank theo một trong các cách sau:
  - Theo tỷ lệ % của giá trị từng lần giao dịch;
  - Mức phí cố định cho mỗi lần giao dịch.
3. Phí dịch vụ **chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)** và được tính bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tùy thuộc nghiệp vụ phát sinh. Trường hợp phí dịch vụ tính bằng ngoại tệ, Khách hàng có thể thanh toán bằng tiền Việt Nam theo tỷ giá bán ngoại tệ được niêm yết tại nơi giao dịch. Đồng tiền Đô-la Mỹ (USD) được quy định trong Biểu phí là ngoại tệ cơ sở để tính toán mức phí khi phát sinh bằng các ngoại tệ khác.
4. Phí dịch vụ và các khoản phí khác mà Baoviet Bank đã thu sẽ không được hoàn trả lại nếu Khách hàng có yêu cầu hủy bỏ dịch vụ sau khi Baoviet Bank đã thực hiện.  
Biểu phí này được áp dụng kể từ ngày **14/01/2009** và được thay đổi không cần thông báo trước